

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH LUẬT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày 28 tháng 7 năm 2021 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

Hà Nội, năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	1
1. Mục tiêu.....	1
1.1. Mục tiêu chung:.....	1
1.2. Mục tiêu cụ thể:.....	1
2. Chuẩn đầu ra.....	2
2.1. Kiến thức.....	2
2.2. Kỹ năng.....	2
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm.....	3
3. Khối lượng kiến thức toàn khoá.....	5
4. Đối tượng tuyển sinh.....	5
5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp.....	6
6. Cách thức đánh giá.....	6
7. Nội dung chương trình.....	6
8. Hướng dẫn thực hiện:.....	28

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: **Đại học chính quy**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Luật** ; Mã số: **7380101**

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo đại học ngành Luật đào tạo cử nhân Luật có kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội có liên quan đến lĩnh vực pháp luật. Rèn luyện kỹ năng cho sinh viên bổ sung, cập nhật, nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành, tăng cường kiến thức đa liên ngành; hình thành và phát triển năng lực nhận thức, phân tích, tổng hợp vấn đề liên quan đến pháp luật. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên thành thạo kỹ năng vận dụng kiến thức đã được đào tạo vào thực tiễn pháp lí, thực tiễn nghề nghiệp; sinh viên có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện vấn đề, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kinh tế, thương mại tại các Doanh nghiệp, Tổ chức kinh tế hay trong các cơ quan thuộc lĩnh vực tư pháp như Tòa án, Viện Kiểm sát, Văn phòng luật sư... Bên cạnh đó, chương trình đào tạo đại học ngành Luật còn hình thành cho sinh viên kỹ năng giao tiếp bằng Tiếng Anh; đọc, dịch văn bản pháp lí nước ngoài và kỹ năng soạn thảo văn bản pháp lí đáp ứng điều kiện cần và đủ của nhà tuyển dụng.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Sinh viên sau khi tốt nghiệp được cung cấp những kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng soạn thảo văn bản pháp lí; kỹ năng xử lý và giải quyết các tình huống pháp lí và giao tiếp bằng tiếng Anh.

b) Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về đào tạo ngành luật như Lịch sử Nhà nước và Pháp luật; Lý luận về Nhà nước và Pháp luật; Luật Hiến pháp; Luật học so sánh;... đến những kiến thức chuyên sâu về đào tạo luật như Luật Hình sự; Luật Dân sự; Luật Tố tụng hình sự; Luật Tố tụng dân sự; Luật Thương mại; Luật

Đất đai; Luật Môi trường; Luật pháp và chính sách biển; Pháp luật, chính sách tài nguyên nước; Luật Khoáng sản; Luật Tài chính ngân hàng; Luật sư, công chứng, chứng thực; Pháp luật phòng, chống tham nhũng;... Trên cơ sở đó, sinh viên được rèn luyện khả năng nhận xét, phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật và có khả năng áp dụng các quy định của pháp luật trong giải quyết, xử lý vấn đề về chuyên môn.

c) Áp dụng kiến thức pháp luật được đào tạo vào hoạt động thực tiễn trong cuộc sống, trong đơn vị công tác;

d) Phân tích, giải thích, tổng hợp các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật;

e) Soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật; soạn thảo hợp đồng;

f) Tư vấn pháp lý về vấn đề pháp luật như: ký kết hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự, tư vấn pháp luật về tài nguyên và môi trường; tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai, dân sự...;

g) Tham mưu cho lãnh đạo biện pháp giải quyết các vụ việc liên quan đến áp dụng pháp luật trong các lĩnh vực đất đai, môi trường, kinh tế, tài nguyên nước, khoáng sản, biển và hải đảo...

h) Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước;

i) Có nhận thức đúng đắn về đạo đức nghề nghiệp; có thói quen khoa học, cẩn trọng, chính xác; có tinh thần nhiệt tình, trách nhiệm, đoàn kết và hợp tác trong xử lý các công việc chuyên môn;

j) Nhận thức được tầm quan trọng của tài nguyên, môi trường trong phát triển kinh tế - xã hội và có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường;

k) Sinh viên tốt nghiệp có đủ khả năng dự tuyển để học các bậc học sau đại học cùng chuyên ngành, ngành, nhóm ngành.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

Sau khi tốt nghiệp ra trường, người học có khả năng:

* *Kiến thức chung:*

(2.1.1) Hiểu được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh Quốc phòng.

(2.1.2) Hiểu được những kiến thức trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành và chuyên ngành.

** Kiến thức chuyên môn:*

(2.1.3) Vận dụng các kiến thức nền tảng về Lý luận Nhà nước và pháp luật để phân tích và đánh giá các quy định pháp luật trong các ngành luật như Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Lao động, Luật Đất đai, Luật Hành chính, Luật Kinh tế,...

(2.1.4) Hệ thống hóa những kiến thức đã học và áp dụng để giải quyết những tình huống pháp luật xảy ra trong thực tiễn.

(2.1.5) Vận dụng các kiến thức tổng hợp đã học để quản lý và thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực pháp luật.

(2.1.6) Kiến thức Tiếng Anh: Đạt chuẩn bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt một trong các chứng chỉ tương đương từ B1 trở lên theo bảng quy đổi sau:

Khung tham chiếu CEFR	IELTS	TOEIC	TOEFL ITP	TOEFL CBT	TOEFL IBT	Cambridge Tests	Chuẩn Việt Nam
B1	4.5	450	450	133	45	PET	3

(2.1.7) Kiến thức Tin học: Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.

2.2. Kỹ năng

Sau khi tốt nghiệp ra trường, người học có các kỹ năng:

** Kỹ năng chung:*

(2.2.1) Có khả năng vận dụng thành thạo và đánh giá được các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách pháp luật của Nhà nước trong một số lĩnh vực như: hình sự, dân sự, đất đai, hành chính, thương mại, ...

(2.2.2) Có khả năng tìm kiếm các văn bản pháp luật và sử dụng thành thạo văn bản pháp luật.

** Kỹ năng chuyên môn:*

(2.2.3) Có khả năng tư vấn pháp luật, tham gia các phiên tòa, giải quyết các vụ án, vụ việc một cách hiệu quả; tư vấn ký kết các loại hợp đồng; vụ việc phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước thuộc các cơ quan quản lý nhà nước nói chung và đặc biệt là cơ quan quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường nói riêng.

(2.2.4) Có kỹ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá và kết hợp các kỹ năng trong việc giải quyết các tình huống cụ thể trong thực tiễn.

(2.2.5) Có khả năng vận dụng lý thuyết vào công tác chuyên môn, vận dụng các kiến thức chuyên ngành vào giải quyết các tình huống, vụ việc, vụ án; có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc về pháp luật.

(2.2.6) Có kỹ năng giao tiếp và sử dụng ngoại ngữ: Có khả năng giao tiếp, truyền đạt thông tin; soạn thảo văn bản; đàm phán, diễn thuyết, ứng xử, giao tiếp về lĩnh vực pháp luật; có khả năng giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh; đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành.

(2.2.7) Có kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm: Có khả năng tự giải quyết các vấn đề phát sinh trong công việc với tư duy logic, sáng tạo hoặc phối hợp với đồng nghiệp, hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đặt ra.

(2.2.8) Có kỹ năng tìm việc làm: Có khả năng tự tìm kiếm thông tin về việc làm, chuẩn bị hồ sơ xin việc và trả lời phỏng vấn của nhà tuyển dụng.

(2.2.9) Có khả năng sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng, Internet,...đáp ứng được công việc cơ bản.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Sẵn sàng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

2.3.2. Có năng lực tổng hợp được các kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ và đề xuất các kết luận về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo.

2.3.3. Đề xuất các sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

2.3.4. Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về pháp luật.

2.3.5. Có năng lực lập kế hoạch, đánh giá, phát huy trí tuệ tập thể và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ ở quy mô trung bình.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	133	Tỉ trọng (%)
Trong đó:		
- Khối kiến thức Giáo dục đại cương (Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN)	33	24,8
+ <i>Bắt buộc:</i>	33	24,8
+ <i>Tự chọn:</i>	0	0
- Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	100	75,2
• Kiến thức cơ sở ngành	13	9,8
+ <i>Bắt buộc:</i>	13	9,8
+ <i>Tự chọn:</i>	0	0
• Kiến thức ngành	75	56,4
+ <i>Bắt buộc:</i>	40	30,1
+ <i>Tự chọn:</i>	35	26,3
• Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	0	0
+ <i>Bắt buộc:</i>	0	0
+ <i>Tự chọn:</i>	0	0
• Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp	12	09

4. Đối tượng tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí tuyển sinh: Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo từng năm.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

6. Cách thức đánh giá

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

7. Nội dung chương trình

Ký hiệu: - LT: Lý thuyết;

- TH, TT: Thực hành, Thực tập

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
I	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG							
<i>1.1</i>	<i>Các học phần chung</i>		19					
1	LCML101	Triết học Mác-Lênin	3	Học phần Triết học Mác-Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là học phần tiên quyết, trang bị thế giới quan và phương pháp luận làm tiền đề cho việc học tập các học phần lý luận chính trị tiếp theo. Nội dung học phần gồm 3 chương, ngoài khái quát những tri thức chung về triết học, học phần trang bị những kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và ý nghĩa phương pháp luận của những kiến thức triết học đối với thực tiễn	30	15	90	
2	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin là học phần bắt buộc thuộc các môn Lý luận chính trị trong giáo dục đại học, cung cấp những tri thức cơ bản về nền kinh tế hàng hóa, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, giúp người học củng cố phương pháp học tập, nghiên cứu, nhận diện đúng mỗi	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi, hiểu được ý nghĩa của việc học tập kinh tế chính trị trong hoạt động thực tiễn hiện nay.				
3	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	<p>Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là tiền đề cho hai học phần tiếp theo là Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.</p> <p>Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội</p>	20	10	60	
4	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	<p>Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa</p>	21	09	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
5	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp sinh viên nhận thức sâu sắc giá trị khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Qua đó, sinh viên có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	21	09	60	
6	NNTA101	Tiếng Anh 1	3	Học phần " <i>Tiếng Anh 1</i> " là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm chung: công việc hàng ngày, thói quen, sở thích, du lịch, đất nước, con người... Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: giới thiệu bản thân, giải quyết những vấn đề thường gặp khi giao tiếp trên điện thoại và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội	12	33	90	
7	NNTA102	Tiếng Anh 2	3	Học phần " <i>Tiếng Anh 2</i> " là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, so sánh của tính từ - trạng từ, động từ khuyết thiếu... và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm như: nghề nghiệp, lễ hội, du lịch... ở mức độ tiên trung cấp. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mức độ	12	33	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				tiền trung cấp thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: gọi điện thoại, thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.				
8	NNTA103	Tiếng Anh 3	2	Học phần “ <i>Tiếng Anh 3</i> ” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, thể bị động của quá khứ đơn, hiện tại đơn, hiện tại hoàn thành tiếp diễn với các từ xác định và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều điểm chung: hiện tại và quá khứ, sức khỏe, các bệnh thường gặp, các vật dụng hàng ngày, tiền tệ. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống như: cuộc sống hiện tại và quá khứ, thực hành những đoạn hội thoại liên quan về sức khỏe và tai nạn, tìm hiểu về các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới, tìm hiểu kỹ hơn về các vận dụng hàng ngày cần thiết khi mang đi du lịch	08	22	60	
9		<i>Giáo dục thể chất</i>	4	Bao gồm phần bắt buộc và phần tự chọn: - Phần bắt buộc: Thể dục, điền kinh 1 và điền kinh 2. - Phần tự chọn SV chọn một trong các môn học sau: Bóng chuyền, Cầu lông, Bơi lội, Bóng rổ, Bóng đá, Đá cầu, Thể dục Aerobic.				
10		<i>Giáo dục quốc phòng – an ninh</i>	9	Bao gồm 4 học phần: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, Công tác quốc phòng - an ninh; Quân sự chung, Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.				

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
1.2	Các học phần bắt buộc của trường		4					
11	CTKU101	Tin học đại cương	2	Học phần “Tin học đại cương” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần tin học đại cương trang bị các kiến thức cơ bản, hệ thống về công nghệ thông tin như: khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin; sinh viên hiểu rõ các chức năng và cách làm việc với máy tính trong công việc thông thường, làm quen với một số hệ điều hành thông dụng và biết cách giao tiếp với hệ điều hành Windows; biết sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.	19	11	60	
12	LCML104	Logic học	2	Lôgic học là học phần quan trọng thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, góp phần đặt nền tảng kiến thức và kỹ năng tư duy lôgic cho quá trình học tập và nghiên cứu. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, cơ bản nhất về những hình thức lôgic như khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, bác bỏ, giả thuyết và các quy luật lôgic của tư duy, cũng như những kỹ năng cơ bản của tư duy lôgic, khoa học	19	11	60	
1.3	Các học phần của ngành		10					
13	LCPL108	Luật Hiến pháp	3	Học phần Luật Hiến pháp nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Luật Hiến pháp cung cấp những kiến thức cơ bản về ngành luật Hiến pháp và khoa học luật hiến pháp; Hiến pháp và lịch sử lập hiến Việt Nam; chế độ chính trị, chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học công nghệ và môi	32	13	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				trường; an ninh quốc phòng, đối ngoại; chế độ bầu cử của nước CHXHCN Việt Nam; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và quốc tịch Việt Nam; tổng quan về bộ máy nhà nước và làm rõ địa vị pháp lý của các cơ quan hiến định trong bộ máy nhà nước Việt Nam.				
14	LCPL109	Luật Hành chính	3	Luật Hành chính là môn kiến thức ngành, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về luật hành chính như khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh; quy phạm pháp luật hành chính, quan hệ pháp luật hành chính; những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước như các nguyên tắc quản lý, hình thức và phương pháp quản lý nhà nước. Học phần cũng cung cấp cho người học những kiến thức pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức để người học có thể làm việc sau khi ra trường ở những cơ quan quản lý nhà nước hoặc các đơn vị sự nghiệp công lập. Học phần còn trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về trách nhiệm hành chính, xử lý vi phạm hành chính, thủ tục hành chính, quyết định hành chính, các nguyên tắc pháp lý đảm bảo pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước.	26	19	90	
15	LCPL106	Kỹ năng hành nghề luật	2	Kỹ năng hành nghề luật là môn học chuyên ngành, trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng tư duy, phân tích, nhận định và đánh giá hiện tượng, vụ việc trên cơ sở kết hợp hài hoà giữa pháp luật thực định và thực tiễn triển khai. Học phần cũng trang bị cho người học các quy tắc đạo đức khi hành nghề luật, các thông tin tổng quan về nghề luật và các vị trí việc làm mà người học sau khi tốt nghiệp luật có thể đảm nhận; các kỹ năng giải quyết vụ án và việc dân sự của thẩm phán, luật sư,	19	11	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				kiểm sát viên; thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính và kỹ năng áp dụng pháp luật trong giải quyết một số loại án hành chính.				
16	LCPL107	Kỹ năng xử lý và giải quyết tình huống pháp lý	2	Học phần Kỹ năng xử lý và giải quyết tình huống pháp lý cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về xử lý và giải quyết tình huống pháp lý. Học phần trang bị cho người học các kỹ năng cơ bản trong xử lý và giải quyết tình huống pháp lý: kỹ năng tiếp xúc với khách hàng, kỹ năng nghiên cứu hồ sơ và phân tích tình huống pháp lý (kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, kỹ năng tra cứu cơ sở pháp lý; Kỹ năng xây dựng các phương án xử lý và giải quyết tình huống pháp lý, kỹ năng trình bày các phương án xử lý và giải quyết tình huống pháp lý).	17	13	60	
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		100					
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		13					
2.1.1	Bắt buộc							
17	LCPL102	Lý luận về Nhà nước và Pháp luật	5	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật là học phần cơ sở, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về tất cả những vấn đề của nhà nước và pháp luật. Nội dung chủ yếu của môn học này gồm các vấn đề: nguồn gốc, bản chất, chức năng, bộ máy, hình thức của nhà nước; nhà nước trong hệ thống chính trị; nhà nước pháp quyền; nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; ý thức pháp luật.	49	26	150	
18	LCPL103	Luật học so sánh	3	Luật học so sánh là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần	25	20	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các dòng họ pháp luật chủ đạo trên thế giới thông qua phương pháp tiếp cận so sánh luật. Học phần gồm hai nhóm vấn đề chính, gồm: Lí luận chung về luật học so sánh; Các dòng họ pháp luật chủ đạo trên thế giới và một số chế định pháp luật đặc thù của những hệ thống pháp luật điển hình.				
19	LCPL104	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật	3	Lịch sử nhà nước và pháp luật là môn khoa học về nhà nước và pháp luật nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật Việt Nam qua các thời kì lịch sử. Từ đó khái quát được đặc điểm của nhà nước và pháp luật trên thế giới và ở Việt Nam trong từng thời kì và trong toàn bộ tiến trình lịch sử.	32	13	90	
20	LCPL105	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	Kỹ thuật soạn thảo văn bản pháp luật là môn học cơ sở ngành, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về văn bản pháp luật: khái niệm, phân loại văn bản pháp luật, các tiêu chí đánh giá chất lượng văn bản pháp luật. Học phần cung cấp cho người học kỹ năng thực hành về soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật như: thẩm quyền ban hành văn bản; các hình thức và nội dung của từng loại văn bản; các yếu tố cấu thành văn bản; hiệu lực và nguyên tắc áp dụng văn bản; ngôn ngữ trong văn bản; những hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong quá trình xây dựng văn bản pháp luật. Trên cơ sở vận dụng những kiến thức đã học, người học soạn thảo một số văn bản pháp luật điển hình.	20	10	60	
2.2	Kiến thức ngành		75					
2.2.1	Bắt buộc		40					

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
21	NNTA150	Tiếng anh chuyên ngành	3	Học phần “ <i>Tiếng Anh chuyên ngành Luật</i> ” sử dụng giáo trình “ <i>Introduction to International Legal English. A course for classroom or self-study</i> ” của Amy Krois Lindner Matt Firth. (2008), Cambridge University Press. UK. Học phần giới thiệu các nội dung cơ bản về luật như các nghề nghiệp liên quan đến chuyên ngành Luật, các nội dung và quy định của luật pháp liên quan đến việc thiết lập các hợp đồng, Luật Tra tấn; Luật Hình sự; Luật Công ty; Luật Thương mại; Luật Bất động sản; Luật Quốc tế; Luật So sánh; Các nội dung liên quan đến Tranh tụng và phân xử trước tòa. Các hiện tượng ngữ pháp nhuthì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn và thì tương lai, so sánh của tính từ - trạng từ, động từ khuyết thiếu và lượng từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm về Luật được lồng ghép trong các bài học, khi thực hành các kỹ năng tiếng giúp người học có cơ hội rèn luyện và nâng cao vốn từ vựng và kiến thức chuyên ngành thông qua các tình huống thường gặp khi đọc hồ sơ tranh tụng, các bước tiến hành tố tụng tại tòa, cơ sở để tiến hành một vụ kiện; hồ sơ cần chuẩn bị để tiến hành tố tụng.	20	25	90	
22	LCPL110	Luật Tố tụng hành chính	3	Luật Tố tụng Hành chính là môn học chuyên ngành luật quan trọng trong chương trình đào tạo chuyên ngành luật tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Mục tiêu môn học nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về Luật tố tụng hành chính: Khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật tố tụng hành chính; nguyên tắc; nguồn của Luật Tố tụng hành chính. Những vấn đề cơ bản về quy	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				trình tố tụng tại Tòa án trong lĩnh vực hành chính. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.				
23	LCPL111	Luật Hình sự 1	3	Luật Hình sự 1 là học phần chuyên ngành luật quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Luật hình sự: khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật Hình sự; nguyên tắc của Luật Hình sự; nguồn của Luật Hình sự. Những vấn đề cơ bản về Tội phạm: khái niệm tội phạm, cấu thành tội phạm; các giai đoạn thực hiện tội phạm; những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm, vấn đề đồng phạm; những vấn đề cơ bản về hình phạt: khái niệm, mục đích của hình phạt; hệ thống hình phạt; quyết định hình phạt... và vấn đề về người dưới 18 tuổi phạm tội. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống	30	15	90	
24	LCPL112	Luật Hình sự 2	3	Luật Hình sự 2 là học phần chuyên ngành luật quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề định tội danh cho các hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Những vấn đề cơ bản về các yếu tố cấu thành tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt của từng nhóm tội, từng tội phạm cụ thể như: nhóm tội xâm phạm an ninh quốc gia; tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân; tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình; tội xâm phạm sở hữu; tội phạm về môi trường; tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; tội phạm về ma túy; tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; các tội phạm về chức vụ;... Trên cơ sở đó, vận dụng	23	22	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				những kiến thức khoa học để giải quyết các vụ án hình sự xảy ra trong thực tiễn đời sống				
25	LCPL113	Luật Tố tụng hình sự	3	Luật Tố tụng hình sự là học phần chuyên ngành luật quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức lý luận cơ bản nhất về môn học Luật tố tụng hình sự như: khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng hình sự; nguồn của luật tố tụng hình sự; nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự. Học phần còn nghiên cứu các quy định của pháp luật và những quan điểm khoa học về trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, của các cơ quan, tổ chức và công dân; hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức khoa học để giải quyết các vụ án hình sự xảy ra trong thực tiễn đời sống.	27	18	90	
26	LCPL114	Luật Dân sự 1	3	Luật dân sự 1 là môn kiến thức ngành, trang bị cho người học những vấn đề chung nhất của luật dân sự bao gồm: khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự, nguyên tắc cơ bản của luật dân sự; quan hệ pháp luật dân sự: khái niệm, đặc điểm và các chủ thể; giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu. Những vấn đề quan trọng trong lĩnh vực pháp luật dân sự: chế định về quyền sở hữu: Khái niệm, quan hệ pháp luật dân sự về sở hữu, các hình thức, căn cứ xác lập và chấm dứt quyền sở hữu, thực hiện bảo vệ quyền sở hữu; chế định về quyền thừa kế: khái niệm, quy	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				định chung, thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.				
27	LCPL115	Luật Dân sự 2	3	Luật dân sự 2 là môn kiến thức ngành, trang bị cho người học những nội dung về nghĩa vụ dân sự như khái niệm, căn cứ xác lập, chấm dứt, thực hiện nghĩa vụ dân sự, các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ dân sự; các loại hợp đồng dân sự thông dụng: hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng mua bán nhà ở, hợp đồng trao đổi tài sản, hợp đồng tặng cho tài sản, hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thuê tài sản, ...; hứa thưởng và thi có giải; vấn đề trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; vấn đề chuyển quyền sử dụng đất và quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những tình huống trên thực tiễn.	33	12	90	
28	LCPL116	Luật Tố tụng dân sự	3	Luật Tố tụng dân sự là môn kiến thức ngành, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tố tụng dân sự như khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng dân sự; những nguyên tắc cơ bản, các chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự, thẩm quyền của Tòa án nhân dân; án phí, lệ phí trong tố tụng dân sự; chứng cứ và chứng minh; thủ tục sơ thẩm, thủ tục phúc thẩm; thủ tục xét lại các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật; các thủ tục giải quyết vụ việc dân sự. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các tình huống thực tiễn liên quan đến pháp luật tố tụng dân sự.	32	13	90	
29	LCPL117	Luật Thương mại 1	3	Luật Thương mại 1 là học phần chuyên ngành luật quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Luật doanh	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>ngiệp bao gồm: khái niệm và đặc điểm về thương nhân, về doanh nghiệp; địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp: doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty cổ phần, công ty TNHH 1 thành viên và công ty TNHH có từ 2 thành viên trở lên, một số vấn đề pháp lý về nhóm công ty: công ty mẹ, công ty con và tập đoàn kinh tế, về việc tổ chức lại, giải thể, phá sản. Trên cơ sở đó, người học vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống về doanh nghiệp trong thực tiễn.</p>				
30	LCPL118	Luật Thương mại 2	3	<p>Luật Thương mại 2 là học phần chuyên ngành luật quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản các hoạt động thương mại như: hoạt động mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, khuyến mại, quảng cáo, đấu giá, đấu thầu, dịch vụ logistics, quyền và nghĩa vụ của thương nhân khi thực hiện các hoạt động thương mại này. Đồng thời cũng trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về hợp đồng thương mại cũng như các biện pháp chế tài trong hoạt động thương mại để đảm bảo quyền lợi của các bên giao kết hợp đồng. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.</p>	32	13	90	
31	LCPL119	Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	<p>Pháp luật phòng, chống tham nhũng là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cần thiết về phòng chống tham nhũng như: khái niệm, đặc điểm của các hành vi tham nhũng; các quy định về Luật phòng chống tham nhũng, Bộ luật hình sự Việt Nam về tội phạm tham nhũng; Công ước Liên hợp quốc chống tham</p>	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				những và kinh nghiệm một số nước về phòng chống tham nhũng.				
32	LCPL120	Kiến tập nghề nghiệp 1	4	Kiến tập nghề nghiệp 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của đơn vị thực tập; các hoạt động kinh doanh và quản lý của đơn vị thực tập. Người học thực tập các công việc, nhiệm vụ theo sự phân công của đơn vị thực tập. Hết thời gian thực tập, người học viết báo cáo thực tập về quá trình thực tập của mình.		240 giờ	120	
33	LCPL121	Kiến tập nghề nghiệp 2	4	Kiến tập nghề nghiệp 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của đơn vị thực tập; các hoạt động kinh doanh và quản lý của đơn vị thực tập. Người học thực tập các công việc, nhiệm vụ theo sự phân công của đơn vị thực tập. Hết thời gian thực tập, người học viết báo cáo thực tập về quá trình thực tập của mình.		240 giờ	120	
2.2.2	Tự chọn		35					
34	LCPL122	Luật Lao động	3	Luật Lao động là học phần chuyên ngành luật quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật lao động: khái niệm và đặc điểm hợp đồng lao động, phân loại hợp đồng lao động, thỏa ước lao động, nội quy lao động, thực hiện, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động và một số vấn đề pháp lý về tiền lương, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, công đoàn, các hình thức kỷ luật, tranh chấp lao động và cơ chế giải quyết tranh chấp lao động, nội dung về đình công. Trên cơ sở đó, người học vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống về lao động trong thực tiễn.	31	14	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
35	LCPL123	Luật Đất đai	3	Luật Đất đai là môn kiến thức ngành, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về những vấn đề chung về đất đai như: lịch sử, khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật đất đai; các nội dung quản lý nhà nước về đất đai; quy định của pháp luật về chế độ sử dụng các loại đất, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất. Học phần cũng cung cấp các kiến thức giúp người học làm rõ được mối quan hệ giữa luật đất đai và một số ngành luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam.	32	13	90	
36	LCPL124	Luật Môi trường	3	Luật Môi trường là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về Luật Môi trường quốc tế và Luật Môi trường Việt Nam, như: tầm quan trọng của môi trường và sự cần thiết phải bảo vệ môi trường bằng pháp luật; Khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển của Luật Môi trường, các nguyên tắc và nguồn của Luật Môi trường; Nội dung luật Môi trường Việt Nam và Luật Môi trường quốc tế; thực tiễn thực thi một số công ước quốc tế trong lĩnh vực môi trường ở Việt Nam.	29	16	90	
37	LCPL125	Pháp luật, chính sách tài nguyên nước	2	Pháp luật, chính sách tài nguyên nước là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về nội dung chính sách, pháp luật của Nhà nước về tài nguyên nước, như: quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên nước,	19	11	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				Từ đó người học có thể vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề xảy ra trong cuộc sống liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước.				
38	LCPL126	Công pháp quốc tế	3	Công pháp quốc tế (luật quốc tế) là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về hệ thống pháp luật quốc tế. Bên cạnh đó, môn học còn mang đến cho sinh viên kiến thức về các ngành, chế định và những vấn đề pháp lý cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế như giải quyết tranh chấp quốc tế, dân cư, giải quyết tranh chấp quốc tế và trách nhiệm pháp lý quốc tế.	32	13	90	
39	LCPL127	Tư pháp quốc tế	3	Tư pháp quốc tế là một môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp điều chỉnh, chủ thể, nguồn của Tư pháp quốc tế; các vấn đề về xung đột pháp luật, xung đột thẩm quyền trong tư pháp quốc tế; công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài, bản án, quyết định của tòa án nước ngoài; xác định thẩm quyền của Tòa án, về giải quyết xung đột pháp luật trong các quan hệ cụ thể của Tư pháp quốc tế, và một số quy định cụ thể về quan hệ pháp luật có yếu tố nước ngoài trong lĩnh vực dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động. Từ đó người học có thể vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tiễn.	30	15	90	
40	LCPL128	Luật Khoáng sản	2	Học phần Pháp luật Khoáng sản là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về nội dung các quy định của pháp luật Khoáng sản Việt Nam, phương pháp vận	19	11	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				dụng các quy định của pháp luật vào thực tiễn hoạt động điều tra cơ bản địa chất khoáng sản, quản lý nhà nước, bảo vệ, thăm dò, khai thác khoáng sản, đấu giá quyền thăm dò, khai thác khoáng sản, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khoáng sản.				
41	LCPL129	Luật pháp và chính sách biển	3	Luật pháp và chính sách biển là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về Luật biển quốc tế và Luật biển Việt Nam, như: lịch sử hình thành và phát triển và các nguyên tắc cơ bản của Luật biển, nguồn của Luật biển; chế độ pháp lý về các vùng biển; phân định biển; cơ chế giải quyết tranh chấp theo quy định của Công ước Liên hợp quốc 1982 về Luật biển; một số chính sách biển của Việt Nam. Từ đó người học có thể vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề xảy ra trong cuộc sống liên quan đến biển.	33	12	90	
42	LCPL130	Luật Hôn nhân và gia đình	3	Luật Hôn nhân và gia đình là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về luật Hôn nhân và gia đình, như: nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, những quy định của pháp luật hiện hành về kết hôn và hủy kết hôn trái pháp luật; Quan hệ vợ chồng; Quan hệ cha mẹ và con; Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; Chấm dứt hôn nhân; Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Từ đó người học có thể vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề xảy ra trong cuộc sống	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				liên quan đến lĩnh vực hôn nhân và gia đình.				
43	LCPL131	Luật Tài chính ngân hàng	3	Luật tài chính ngân hàng là môn học chuyên ngành luật quan trọng trong chương trình đào tạo ngành Luật tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Luật tài chính ngân hàng: lý luận về ngân sách nhà nước và pháp luật ngân sách nhà nước; Những vấn đề lý luận về ngân hàng và pháp luật ngân hàng. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.	30	15	90	
44	LCPL132	Luật sư, công chứng, chứng thực	3	Học phần Luật sư, công chứng, chứng thực là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành đào tạo cử nhân luật. Học phần nghiên cứu những kiến thức cơ bản về tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, tổ chức, hoạt động công chứng, chứng thực và luật sư, quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động công chứng, chứng thực, khái quát trình tự, thủ tục tiến hành công chức một số hợp đồng giao dịch cụ thể. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.	32	13	90	
45	LCPL133	Thực hành kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực tài nguyên môi trường	4	Thực hành kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực tài nguyên môi trường là môn học chuyên ngành cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về kỹ thuật và kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng nói chung và kiến thức về kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực tài nguyên môi trường cụ thể là trong lĩnh vực đất đai, môi trường, thương mại, dân sự.		120	240	
46	LCPL134	Luật Thuế	3	Luật thuế là môn học chuyên ngành luật quan trọng trong chương trình đào tạo ngành	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				Luật tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về luật thuế như: lý luận về thuế, quyền thu thuế, nguyên tắc đóng thuế và tổng quan về luật thuế; khái niệm và nội dung pháp lý của các loại thuế; và các hoạt động quản lý thuế. Trên cơ sở đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.				
47	LCPL135	Pháp luật bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất	3	Pháp luật về bồi thường khi nhà nước thu hồi đất là học phần cung cấp kiến thức ngành trong chương trình đào tạo. Học phần cung cấp cho người học các vấn đề lý luận và pháp lý về bồi thường khi nhà nước thu hồi đất, các vấn đề pháp lý về trình tự, thủ tục bồi thường khi nhà nước thu hồi đất và vấn đề về khiếu nại, tố cáo trong bồi thường khi nhà nước thu hồi đất.	30	15	90	
48	LCPL136	Pháp luật về Bảo vệ môi trường trong kinh doanh	3	Học phần Pháp luật về bảo vệ môi trường trong kinh doanh là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành đào tạo đại học luật chính quy. Học phần nghiên cứu về bảo vệ môi trường bằng pháp luật trong hoạt động kinh doanh, bao gồm: các vấn đề lý luận về pháp luật môi trường trong kinh doanh; những nội dung liên quan đến các công cụ kinh tế và vai trò của nó đối với hoạt động kinh doanh và quản lý đối với hoạt động kinh doanh; các vấn đề của pháp luật môi trường trong các lĩnh vực kinh doanh cụ thể như hoạt động sản xuất công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, xuất nhập khẩu, trồng trọt, chăn nuôi, du lịch và các hoạt động dịch vụ khác. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong	32	13	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				thực tiễn cuộc sống.				
49	LCPL137	Tội phạm học	3	Tội phạm học là học phần chuyên ngành luật, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tội phạm học: khái niệm, nhiệm vụ; mối liên hệ giữa các ngành khoa học khác; phương pháp nghiên cứu của tội phạm học và quá trình hình thành, phát triển của tội phạm học. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tình hình tội phạm, nguyên nhân của tội phạm, nhân thân người phạm tội, dự báo tội phạm, phòng ngừa tội phạm và một số nội dung liên quan khác. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống	30	15	90	
50	LCPL138	Luật Kinh doanh bất động sản	3	Luật Kinh doanh bất động sản là môn kiến thức ngành, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thị trường bất động sản và pháp luật kinh doanh bất động sản: lịch sử, khái niệm, đặc điểm, các yếu tố cấu thành. Môn học cũng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về về kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản: nội dung quản lý nhà nước, nguyên tắc, điều kiện, phạm vi kinh doanh,...; hợp đồng kinh doanh bất động sản và hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản: khái niệm, đặc điểm, phân loại, các quy định chung và quy định cụ thể. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những tình huống pháp luật kinh doanh bất động sản trong thực tiễn.	23	22	90	
51	LCPL139	Luật Xây dựng và nhà ở	3	Luật xây dựng và nhà ở là môn học chuyên ngành, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chính sách pháp luật của nhà nước về xây dựng, về nhà ở như: khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật Xây dựng và Luật nhà	31	14	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>ở; các nội dung quản lý nhà nước về xây dựng: ban hành tiêu chuẩn, kỹ thuật, cấp, thu hồi giấy phép, chứng chỉ, chứng nhận, kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo..., pháp luật về quy hoạch xây dựng: đối tượng, phân loại, nội dung quy hoạch; quy định về cấp giấy phép xây dựng: đối tượng, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục,...; các nội dung quản lý nhà nước về nhà ở: quản lý, điều tra, thống kê, đào tạo,..., các quy định về sở hữu nhà ở: khái niệm, đối tượng sở hữu, giấy chứng nhận..., phát triển nhà ở: mục đích, yêu cầu, hình thức, nội dung; các giao dịch về nhà ở: mua bán, cho thuê, tặng cho, đổi, thừa kế. Trên cơ sở đó, người học vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết tình huống thực tiễn về Luật Xây dựng và nhà ở.</p>				
52	LCPL140	Hợp đồng dân sự thông dụng	3	<p>Hợp đồng dân sự thông dụng là học phần chuyên ngành luật quan trọng trong chương trình đào tạo ngành Luật tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Luật hợp đồng dân sự thông dụng: về các loại hợp đồng dân sự thông dụng như khái niệm, đặc điểm, hình thức, quyền và nghĩa vụ chung và đặc thù của các bên trong hợp đồng dân sự thông dụng. Giúp người học hiểu được nguyên tắc giao kết hợp đồng cũng như xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình đàm phán, ký kết, thực hiện, chấm dứt hợp đồng. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.</p>	30	15	90	
2.2.3	Kiểm thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp		12					
53	LCPL141	Thực tập tốt nghiệp	6	Thực tập tốt nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục		320 giờ	180	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				chuyên nghiệp, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của đơn vị thực tập; các hoạt động kinh doanh và quản lý của đơn vị thực tập. Người học thực tập các công việc, nhiệm vụ theo sự phân công của đơn vị thực tập. Hết thời gian thực tập, người học viết báo cáo thực tập về quá trình thực tập của mình.				
54	LCPL142	Khóa luận tốt nghiệp	6	Học phần trang bị cho người học các kiến thức và các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học, vận dụng các kiến thức pháp luật (luật dân sự, hình sự, đất đai, thương mại, hôn nhân gia đình.....) đã được học trong chương trình đào tạo ngành luật để hoàn thành đề tài nghiên cứu đã chọn. Học phần bao gồm các nội dung: tổng quan đề tài nghiên cứu, cơ sở lý luận về lĩnh vực nghiên cứu, thực trạng về vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập, những giải pháp, kiến nghị hoàn thiện nhằm nâng cao lĩnh vực quản lý hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận.		320 giờ	180	
	<i>Các môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>							
55	LCPL143	Kỹ năng tư vấn pháp lý về pháp luật tài nguyên môi trường	3	Học phần Kỹ năng vấn pháp lý trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường là học phần thay thế cho các môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần giúp cho người học nâng cao nhận thức và rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, nhận định và đánh giá hiện tượng, vụ việc trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa pháp luật thực định và thực tiễn triển khai. Học phần cung cấp những kỹ năng cơ bản và cần thiết phải có, cùng với những kỹ năng riêng, đặc thù để giải quyết những vụ việc, những tình huống phổ biến trong lĩnh vực tài nguyên môi trường xảy ra trong đời sống xã hội. Hướng	27	18	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				tối trang bị cho người học có kỹ năng và kiến thức cần thiết trong lĩnh vực đất đai và các lĩnh vực khác có liên quan để làm việc được trong các công ti tư vấn luật, văn phòng luật sư, văn phòng công chứng, trung tâm trợ giúp pháp lí, làm pháp chế cho doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, cơ quan nhà nước, v.v..				
56	LCPL144	Kỹ năng Giải quyết tranh chấp thương mại	3	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức về kỹ năng của chủ thể tham gia vào hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại; các quy trình, thủ tục tiến hành việc giải quyết tranh chấp thương mại; các nguyên tắc, kỹ năng và quy trình giải quyết tranh chấp bằng hình thức thương lượng, hoà giải thương mại, trọng tài thương mại và giải quyết tranh chấp tại toà án. Môn học tập trung bổ sung các kỹ năng cho người học trong quá trình tham gia giải quyết tranh chấp thương mại ở nhiều tư cách chủ thể khác nhau trong các hình thức giải quyết tranh chấp thương mại như: thương lượng; hoà giải; trọng tài thương mại và toà án	30	15	90	
TỔNG			133					

Ghi chú: () Các học phần dự kiến sẽ giảng dạy bằng tiếng Anh*

8. Hướng dẫn thực hiện:

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành; 45÷90 giờ thực tập tại cơ sở; 45÷60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn; khoá luận tốt nghiệp (tương đương 1 tuần liên tục;

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định;

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển

sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ);

- Khối lượng học tập tối thiểu của mỗi sinh viên (trừ các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng) trong mỗi học kỳ được quy định như sau: Khối lượng tối thiểu không ít hơn $\frac{2}{3}$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn; Khối lượng tối đa không vượt quá $\frac{3}{2}$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn. Việc đăng ký và tổ chức các lớp học phần sẽ học phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình đào tạo.